

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 29

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Bún gà lá é, bắp mỹ, hành tây, nấm đông cô tươi, hành lá, ngô rí, hành phi
- Uống sữa Netsure
Trưa: Com trắng
- Thịt ba chỉ kho quẹt, nước dừa, hành lá, tiêu xay
- Canh khoai mỡ nấu tôm tươi, húng quế, ngô gai
Xế: Sữa chua
Xế chiều: Cháo hào, khoai tây, rau ngót, nấm rơm, hạt sen, bí đỏ, hành lá, ngô rí

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	300	3,140	9,420
2	0494	Đường cát	300	3,880	11,640
3	0523	Nước mắm loại I	200	4,400	8,800
4	N0966	Muối Iot	200	740	1,480
5	0004	Gạo tẻ máy	2,000	2,560	51,200
6	0120	Hành lá (hành hoa)	50	8,400	4,200
7	0164	Rau mùi (ngô rí)	50	8,930	4,465
8	0653	Bún khô	500	4,950	24,750
9	0007	Ngô bắp tươi	100	4,200	4,200
10	0121	Hành tây	100	3,570	3,570
11	N0846	Rau é (húng quế trắng)	100	12,920	12,920
12	0209	Nấm hương tươi (nấm đông cô)	100	27,300	27,300
13	N0772	Thịt ức gà	400	12,920	51,680
14	0537	Nước dừa non tươi	500	3,890	19,450
15	0300	Thịt ba chỉ (nửa nạc, nửa mỡ)	700	21,110	147,770
16	N0770	Thịt nạc dăm	600	17,850	107,100
17	0751	Khoai mỡ	800	5,040	40,320
18	0165	Rau mùi tàu (ngô gai)	50	6,510	3,255
19	0424	Tôm sú	400	30,980	123,920
20	0085	Bí đỏ (bí ngô)	200	4,520	9,040
21	0122	Hạt sen tươi	50	39,270	19,635
22	0037	Khoai tây	200	3,990	7,980
23	0211	Nấm rơm	100	14,180	14,180
24	0168	Rau ngót	100	6,300	6,300

25	0729	Hàu	500	21,110	105,550
26	0457	Sữa bột toàn phần	521.2	20,500	106,846
27	0455	Sữa chua	1,450	9,440	136,880
28	0002	Gạo nếp (loại thường)	300	3,050	9,150
Tổng cộng					1,073,001

Tổng tiền thực phẩm	1,073,001
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	1,073,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	-1
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	21,275,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	21,275,001

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan